TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2018/HNGĐ - ST
Ngày 11 - 10 - 2018
V/v Tranh chấp Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Thanh Khiết**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Hành**

Ông **Bùi Hữu Khánh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hồ Văn Mil** - Thư ký Tòa án

Trong ngày 11 tháng 10 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 412/2018/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 331/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Ngọc T** – sinh năm 1977 (Có mặt)
Cư trú tại: Ấp T, xã TP, huyện CN, tỉnh C.
- *Bị đơn:* Anh **Hồ Văn L** – sinh năm 1978 (Vắng mặt)
Cư trú tại: Ấp T, xã TP, huyện CN, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Hồ Văn L kết hôn vào năm 1998 không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau về vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm nên thường hay cự cải, chị và anh L đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm gia đình không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cái Nước giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hồ Văn L được anh L đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị T và anh L có với nhau 02 con chung tên Hồ Nguyễn Khi, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2000 và Hồ Nguyễn K, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2001, hiện các con đang sống với chị T. Khi ly hôn chị T và anh L thỏa thuận anh L tiếp tục nuôi con đối với cháu Hồ Nguyễn K, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T và anh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và nợ riêng: Chị T và anh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Tranh chấp giữa Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Hồ Văn L là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh Hồ Văn L có địa chỉ cư trú tại Ấp T, xã TP, huyện CN, tỉnh C. Do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án:

Về hôn nhân: Chị T và anh L kết hôn năm 1998, nhưng không đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật HNGĐ năm 2014 thì Chị Nguyễn Thị Ngọc T có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của chị T đã được Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau tiến hành hòa giải tại Tòa án theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tại phiên hòa giải ngày 19 tháng 9 năm 2018 anh L đồng ý ly hôn với chị T, nhưng giữa chị T và anh L không có đăng ký kết hôn nên Tòa án căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Hồ Văn L không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vì vậy mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L không có giá trị pháp lý. Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Tòa án tuyên bố không công nhận Chị Nguyễn Thị Ngọc T và Anh Hồ Văn L là vợ chồng.

Về con chung: Chị T và anh L xác định có 02 con chung là Hồ Nguyễn Khi, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2000 và Hồ Nguyễn K, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2001, hiện các con đang sống với chị T. Khi ly hôn chị T và anh L thỏa thuận anh L tiếp tục nuôi con đối với cháu Hồ Nguyễn K, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con thỏa thuận của chị T và anh L phù hợp với nguyện vọng của cháu Khã và đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của chị T và anh L về người trực tiếp nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con anh L không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này chị T và anh L có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì chị T và anh L đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004696 ngày 23 tháng 8 năm 2018. Chị Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Các điều 9, 14, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Tuyên bố Chị **Nguyễn Thị Ngọc T** và anh **Hồ Văn L** không phải là vợ chồng.

[2] Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị **Nguyễn Thị Ngọc T** và anh **Hồ Văn L.** Giao cháu **Hồ Nguyễn K**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2001 cho anh Hồ Văn L tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con anh L không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này chị T và anh L có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì chị T và anh L đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[4] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004696 ngày 23 tháng 8 năm 2018. Chị Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thanh Khiết